TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08/11/2019
"Về tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa và bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:*** Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 139/2018/TLST-HNGĐ ngày 15/11/2017 về việc "*tranh chấp ly hôn, nuôi con"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/02/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 03a/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2019; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 36/TB-TA ngày 09/8/2019; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 315/TB-TA ngày 08/10/2019; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa (lần 2) số 361/TB-TA ngày 11/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/10/2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 10/11/1984. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 26/5/1973. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Luật sư Đỗ Thị G – Công ty luật TNHH M thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Phường Y, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp, bà Nguyễn Thị N (Nguyên đơn) trình bày: Chị và anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng kết hôn ngày 25/10/2005 tại UBND phường P, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mẫu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm kinh tế, không tôn trọng và không tin tưởng nhau. Cụ thể: Năm 2010, vợ chồng có vay vốn ngân hàng để anh T mở cửa hàng bán đồ gỗ. Tháng 5/2011, chị đi lao động tại Đài Loan. Quá trình lao động, chị nhiều lần gửi tiền về để anh T trả nợ ngân hàng và chăm lo cho gia đình. Khi gọi điện hỏi người thân, chị được biết anh T ở nhà không chịu làm ăn, bán hết cửa hàng đồ gỗ không còn vốn ban đầu. Chị gọi điện trao đổi nhưng anh T không nghe, vợ chồng xảy ra cãi vã. Anh T còn sang gặp bố mẹ đẻ chị để yêu cầu chị về giải quyết ly hôn. Tuy nhiên, chị không về được. Đầu năm 2015, anh T sang Đài Loan lao động. Tháng 7/2015, chị về Việt Nam. Thời gian này, giữa chị và gia đình nhà chồng xảy ra mâu thuẫn; anh T có về Việt Nam giải quyết công việc gia đình; tuy nhiên, anh T không nghe chị giải thích, chỉ nghe gia đình nhà chồng cho rằng chị không chung thủy, không chăm sóc gia đình nhà chồng, trách móc và đập phá tài sản. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 25/9/2005 và Nguyễn Tuấn Việt B, sinh ngày 07/5/2008. Chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí, chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Chị tự nguyện chịu toàn bộ theo quy định pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 31/7/2017 tại Tòa án nhân dân (TAND) thành phố C, ông Nguyễn Tuấn T trình bày: Về điều kiện kết hôn của hai người như chị N trình bày. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân cụ thể: Anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2013. Trong thời gian ở nước ngoài, được biết chị N đối xử không tốt đối với bố chồng là ông Nguyễn Tuấn Q và giữa chị N với chị em ruột anh xảy ra mâu thuẫn; chị N đã đánh em ruột anh và bị khởi tố xét xử về tội cố ý gây thương tích. Tháng 6/2016, anh về Việt Nam để giải quyết công việc gia đình nhưng không có kết quả. Vì chị N cho rằng anh bênh gia đình nên từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị N đã làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn. Từ đó, tình

cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm đến nhau. Ngày 10/7/2017, anh tiếp tục về Việt Nam để giải quyết công việc gia đình nhưng cũng không có kết quả. Trong thời gian này, quan hệ vợ chồng giữa hai người không được cải thiện. Nay, chị N có đơn xin ly hôn, anh không nhất trí và muốn được hòa giải.

Về con chung: Anh chị có hai con chung như chị N trình bày và đồng ý theo ý kiến của chị N.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản ghi ý kiến, cháu Nguyễn Ngọc A và Nguyễn Tuấn Việt B (là con chung của bà N, ông T) trình bày: Sau khi bố mẹ ly hôn, hai cháu có nguyện vọng được ở với mẹ (chị N).

Trong quá trình giải quyết vụ án tại TAND thành phố C, anh T đi xuất khẩu lao động theo theo hợp đồng tại Đài Loan nên ngày 29/9/2017, TAND thành phố C chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án tỉnh Hải Dương giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 25/5/2018, TAND tỉnh Hải Dương tiến hành ủy thác tư pháp cho Văn phòng kinh tế văn hóa (VPKTVH) Việt Nam tại Đài Bắc để tống đạt văn bản tố tụng, lấy lời khai đối với anh T. Ngày 20/7/2018, Tòa án nhận được công văn số 48A ngày 26/6/2018 của VPKTVH Việt Nam tại Đài Bắc phúc đáp nội dung không tìm thấy địa chỉ, đã niêm yết nội dung ủy thác tại trụ sở nhưng đương sự không đến nhận hồ sơ và thông báo trên cổng thông tin điện tử của Văn phòng. Ngày 03/10/2018, Tòa án nhận được đơn đề nghị của chị N xin thay đổi địa chỉ của anh T từ địa chỉ đã cung cấp ban đầu sang địa chỉ: Số 257 đường Thái Nguyên, thành phố Tân Trúc, Đài Loan. Ngày 18/10/2018, Tòa án tiếp tục ủy thác tư pháp (lần 2) cho VPKTVH Việt Nam tại Đài Bắc để tống đạt văn bản tố tụng, lấy lời khai đối với anh T theo địa chỉ mới chị N cung cấp. Do đến thời hạn giải quyết mà không nhận được kết quả UTTP nên ngày 09/8/2019 Tòa án đã ấn định thời gian mở lại phiên tòa và có văn bản đề nghị VPKTVH Việt Nam tại Đài Bắc tiến hành niêm yết, công bố tài liệu trên cổng thông tin điện tử của Văn phòng. Đồng thời, Tòa án cũng tiến hành niêm yết tại trụ sở, đăng trên cổng thông tin điện tử của Tòa án và niêm yết tại trụ sở UBND phường P, nơi cư trú cuối cùng của anh T. Do anh T về Việt Nam (theo thông báo của chị N); ngày 08/10/2019, Tòa án tiến hành ghi lời khai của anh T (có sự chứng kiến của ông Đoàn Văn D - Trưởng khu dân cư số 5). Theo đó, anh T trình bày đã về Việt Nam cách đây 02 tháng và hiện đang cư trú tại phường P, thành phố C. Liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị N, anh vẫn giữ nguyên quan điểm trước đây đã khai tại TAND thành phố C.

Ngày 22/10/2019, Tòa án nhân được đơn đề nghị ghi ngày 10/10/2019 của ông Nguyễn Tuấn Q (bố anh T) yêu cầu vợ chồng chị N, anh T trả nợ số tiền 1,5 tỷ đồng.

Tại phiên tòa, cả chị N và anh T trình bày liên quan đến mâu thuẫn vợ chồng, xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin thuận tình ly hôn. Về con chung anh chị thỏa thuận: Chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn Việt B, anh T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Ngọc A và không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) và những người tham gia phiên tòa. Về nội dung: Đã phân tích, đánh giá yêu cầu của Nguyên đơn, căn cứ tài liệu có trong hồ sơ, trình bày của các đương sự tại phiên tòa đề nghị HĐXX áp dụng Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 150, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Tuấn T. Về con chung, công nhận thỏa thuân giữa hai anh chị. Về án phí, chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Ghi nhận sự tự nguyện của chị N chịu toàn bộ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận đinh:

[1]. Về Tố tụng: Do anh Nguyễn Tuấn T (Bị đơn) lao động tại Đài Loan nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp tỉnh theo quy định tại Điều 35, 37 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố C nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, do vợ chồng xảy ra mẫu thuẫn nên chị N có đơn xin ly hôn anh T tại Tòa án. Tại phiên tòa, cả hai anh chị trình bày nguyên nhân mâu thuẫn và xin thuận tình ly hôn. Xét mục đích hôn nhân không đạt được; sự thỏa thuận giữa chị N, anh T phù hợp quy định pháp luật và không trái đạo đức, xã hội nên cần công nhận thuận tình ly hôn giữa hai người theo quy định tại Điều 55 Luật HNGĐ năm 2014.

- Về quan hệ con chung: Chị N và anh T có hai con chung là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 25/9/2005 và Nguyễn Tuấn Việt B sinh ngày 07/5/2008. Tại phiên tòa, anh và chị đều trình bày về điều kiện và hoàn cảnh kinh tế đồng thời thỏa thuận về việc nuôi con chung, theo đó chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn Việt B và anh T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Ngọc A. Xét thỏa thuận của anh chị là tự nguyện nên chấp nhận và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Do cả chị N và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[2]. Về án phí, chi phí ủy thác tư pháp: Ghi nhận sự tự nguyện của chị N chịu toàn bộ theo quy định pháp luật.

[3]. Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Tuấn Q yêu cầu vợ chồng chị N, anh T trả nợ 1,5 tỷ đồng. Xét thấy, đơn yêu cầu của ông Q có sau thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (ngày 13/12/2018) nên Tòa án không thụ lý giải quyết trong cùng vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 201 BLTTDS. Ông Q có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 150, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí. Xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Tuấn T.

2. Quan hệ con chung: Công nhận thỏa thuận giữa chị N và anh T: Giao cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 25/9/2005 cho anh Nguyễn Tuấn T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Tuấn Việt B sinh ngày 07/5/2008 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng; anh T, chị N không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Nghiêm cấm mọi sự cản trở đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí, chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối trừ số tiền đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000003 ngày 26/7/2017 tại Chi

cục Thi hành án dân sự thành phố C và chi phí thực hiện ủy thác tư pháp tư pháp, chị N đã thực hiện xong.

Báo đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS Tp. C;
- UBND phường P, Tp.C, tỉnh Hải Dương;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường